TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT SÀI GÒN
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2022

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: II - NĂM HỌC: 2020 - 2021

Lớp: 20CDH, 17CMN2 **Số tín chỉ:** 03 **Ngày thi:** 14/04/2021
Môn: Tiếng Anh căn bản **Hệ:** CĐCQ **Phòng thi:** HTA
Địa điểm thi: Số 12 Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Nguyễn Thị Hồng	Vân	17/10/1998	8.0	Tám	17CMN2
2	Mơ	Win	28/06/1998	3.0	Ba	17CMN2
3	Nguyễn Thị Nhã	Yến	06/02/1999	3.0	Ba	17CMN2
4	Võ Thị Hồng	Yến	02/11/1999	7.0	Bảy	17CMN2
5	Nguyễn Phạm Thế	Anh	07/01/1999	7.0	Bảy	20CDH
6	Phan Thị	Châu	30/06/2002	5.0	Năm	20CDH
7	Danh Chí	Cường	05/05/2002	5.0	Năm	20CDH
8	Nguyễn Trúc	Đào	21/02/2005	5.0	Năm	20CDH
9	Hồ Thị Hương	Giang	21/08/2002	8.0	Tám	20CDH
10	Phạm Thị Thu	Hà	03/12/2002	5.0	Năm	20CDH
11	Kiều Thanh	Hiền	19/10/2002	6.5	Sáu năm	20CDH
12	Lê Kim Phương	Hiền	09/03/2002	7.0	Bảy	20CDH
13	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	23/12/2002	8.5	Tám năm	20CDH
14	Nguyễn Thị Như	Liễu	23/05/2002	9.0	Chín	20CDH
15	Nguyễn Thị Phương	Loan	17/08/2000	5.5	Năm năm	20CDH
16	Châu Ái	My	03/02/2001	9.0	Chín	20CDH
17	Chu Diễm	My	18/12/2001	3.5	Ba năm	20CDH
18	Nguyễn Ngô Ngọc	Ngân	15/11/2002	6.5	Sáu năm	20CDH
19	Vũ Ngọc	Ngân	13/08/2001	7.0	Bảy	20CDH
20	Hoàng Nữ Hoài	Nghĩa	24/11/2002	6.0	Sáu	20CDH
21	Nguyễn Xuân Thúy	Nguyên	01/01/2002	6.0	Sáu	20CDH
22	Hồ Đông	Nhi	02/09/2002	5.0	Năm	20CDH
23	Phù Xuân	Nhi	14/04/2002	9.0	Chín	20CDH
24	Lê Thị Thanh	Phúc	09/04/2002	7.5	Bảy năm	20CDH
25	Đặng Thị Kim	Quy	22/06/2002	5.5	Năm năm	20CDH

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
26	Đường Hoài	Thương	06/02/2002	8.0	Tám	20CDH
27	Nguyễn Thị Hoài	Thương	09/06/2001	7.0	Bảy	20CDH
28	Nguyễn Đoàn Quế	Trân	22/05/2002	8.0	Tám	20CDH
29	Nguyễn Huỳnh Minh	Trang	18/01/1998	8.5	Tám năm	20CDH
30	Nguyễn Tuyết	Trinh	01/08/2001	4.0	Bốn	20CDH
31	Trần Hoàng Thanh	Trúc	06/03/2000	9.5	Chín năm	20CDH
32	Hồ Thị Anh	Tú	18/05/1996	9.0	Chín	20CDH
33	Tất Thành	Tuấn	24/19/2002	8.5	Tám năm	20CDH
34	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	16/07/1990	5.0	Năm	20CDH
35	Cao Hoàng	Yến	31/07/2005	5.0	Năm	20CDH
36	Phan Thị Hoảng	Yến	07/09/2001	2.0	Hai	20CDH

Số SV dự thi: 36 *Tổng số bài thi: 36*

Số SV vắng thi: 00 *Tổng số tờ: 36*

Phòng Khảo thí & ĐBCL

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Dương Huỳnh Thanh Túy